

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng
Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương**

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 4279/QĐ-BGDĐT ngày 14/12/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo tại Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 16/7/2021 của UBND tỉnh Hải Dương, Ban hành Quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Kccy*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục CNTT, Bộ GDĐT (để b/c);
- Công an tỉnh (để ph/h);
- Sở TTTT (để ph/h);
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC



Lương Văn Việt

QUY CHẾ
Quản lý, vận hành và khai thác sử dụng
Hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 121/QĐ-SGDĐT ngày 22/02/2024
của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Hải Dương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế quy định việc quản lý, vận hành và khai thác sử dụng Hệ thống cơ sở dữ liệu (CSDL) giáo dục và đào tạo (GDĐT) tỉnh Hải Dương.
- Quy chế này áp dụng đối với:
 - Các phòng trực thuộc Sở GDĐT tỉnh Hải Dương;
 - Phòng GDĐT các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Phòng GDĐT);
 - Các cơ sở giáo dục bao gồm: cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục thường xuyên và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Hải Dương (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục);
 - Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương* (gọi tắt là CSDL ngành) là tập hợp dữ liệu số hóa thông tin quản lý về giáo dục (gồm dữ liệu về trường học, dữ liệu về lớp học, dữ liệu về cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, đội ngũ giáo viên và nhân viên, dữ liệu về người học, dữ liệu về chương trình giáo dục, dữ liệu về cơ sở vật chất trường học và các dữ liệu liên quan khác) do Sở GDĐT tỉnh Hải Dương xây dựng và quản lý.
- Hệ thống CSDL giáo dục và đào tạo tỉnh Hải Dương* (gọi tắt là Hệ thống CSDL ngành) gồm hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý và CSDL ngành được thiết lập, vận hành đồng bộ, thống nhất.
- Tài khoản* trên CSDL ngành gồm hai thông tin chính là tên đăng nhập và mật khẩu được cơ quan có thẩm quyền cấp để đăng nhập, báo cáo và khai thác sử dụng CSDL. Có hai loại tài khoản là tài khoản quản trị dùng để quản trị CSDL ngành theo thẩm quyền và tài khoản khai thác sử dụng dữ liệu trên CSDL ngành.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH VÀ SỬ DỤNG HỆ THỐNG CSDL NGÀNH

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. Phần mềm CSDL ngành được vận hành trên mạng Internet tại địa chỉ truy cập <https://csdl.haiduong.edu.vn>.

2. Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh được cấp tài khoản, mật khẩu để đăng nhập hệ thống phần mềm thực hiện cập nhật đầy đủ các trường thông tin đã tích hợp sẵn trên hệ thống, theo dõi, sử dụng các thông tin về giáo dục.

3. Thông tin về các hồ sơ được trên CSDL ngành phải được cập nhật, bổ sung thường xuyên, kịp thời, đầy đủ, chính xác và phải thống nhất với hồ sơ giấy, hồ sơ điện tử đang được lưu trữ tại các cơ sở giáo dục.

4. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và có biện pháp đảm bảo an toàn thông tin về CSDL ngành, đảm bảo tính tương thích trong toàn hệ thống khi có sự thay đổi về công nghệ, thiết bị.

5. Nghiêm cấm các hành vi lợi dụng cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin trên CSDL ngành nhằm mục đích vi phạm pháp luật, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, gây phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội.

Điều 4. Tài khoản quản trị và tài khoản sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. Tài khoản quản trị Hệ thống CSDL ngành do Sở GDĐT quản lý.

2. Sở GDĐT cấp tài khoản quản trị của các đơn vị, cá nhân thuộc và trực thuộc Sở GDĐT.

3. Tài khoản quản trị của các Phòng GDĐT do Sở GDĐT cấp và quản lý. Phòng GDĐT cấp và quản lý tài khoản sử dụng của các đơn vị, cá nhân thuộc và trực thuộc Phòng GDĐT.

4. Tài khoản quản trị của các cơ sở giáo dục do Sở GDĐT hoặc Phòng GDĐT trực tiếp quản lý cấp và quản lý. Tài khoản sử dụng của các bộ phận, cá nhân trong cơ sở giáo dục do cơ sở giáo dục cấp và quản lý.

5. Tổ chức, cá nhân được cấp tài khoản chịu trách nhiệm bảo mật tài khoản, bảo mật dữ liệu và quản lý, sử dụng tài khoản theo đúng mục đích, chức năng quy định.

Điều 5. Quản lý, vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống CSDL ngành

1. Sở GDĐT chịu trách nhiệm quản lý, vận hành kỹ thuật, phần mềm, an toàn, bảo mật thông tin trên Hệ thống CSDL ngành; đảm bảo Hệ thống CSDL ngành được kết nối với CSDL ngành của Bộ GDĐT, của tỉnh và các CSDL khác.

2. Các phòng chuyên môn thuộc cơ quan Sở GDĐT quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu thuộc lĩnh vực phụ trách

trong Hệ thống CSDL ngành.

3. Phòng GDĐT quản lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời của dữ liệu thuộc phạm vi quản lý trong Hệ thống CSDL ngành.

4. Thủ trưởng cơ sở giáo dục chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ, kịp thời về dữ liệu của cơ sở giáo dục trong Hệ thống CSDL ngành.

5. Kinh phí quản lý, vận hành, bảo trì, mở rộng và nâng cấp Hệ thống CSDL ngành được bảo đảm từ nguồn kinh phí chi sự nghiệp, nguồn kinh phí chi đầu tư phát triển và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Báo cáo dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành

1. Triển khai thực hiện báo cáo công tác thống kê định kỳ hằng năm và các báo cáo khác trên Hệ thống CSDL ngành đảm bảo tiến độ, thời gian theo quy định.

2. Sở GDĐT, Phòng GDĐT, Thủ trưởng các cơ sở giáo dục có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc việc thu thập dữ liệu và triển khai báo cáo trên Hệ thống CSDL ngành đảm bảo đầy đủ dữ liệu, chính xác và đúng thời hạn theo yêu cầu của Bộ GDĐT, Sở GDĐT.

Điều 7. Sử dụng thông tin trong CSDL ngành

1. Thông tin trong Hệ thống CSDL ngành được sử dụng thống nhất, có tính pháp lý trong quản lý nhà nước về giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.

2. Việc báo cáo, sử dụng, cập nhật thông tin trong Hệ thống CSDL ngành được thực hiện thông qua tài khoản được cấp từ CSDL ngành.

3. Việc sử dụng thông tin trong Hệ thống CSDL ngành phải tuân thủ các quy định của pháp luật về sở hữu dữ liệu và bảo vệ an toàn thông tin cá nhân.

4. Cơ quan và tổ chức quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này tham gia báo cáo, khai thác, sử dụng thông tin trong CSDL ngành phải ban hành quy định nội bộ về quản lý, sử dụng, khai thác thông tin trên Hệ thống CSDL ngành.

5. Sở GDĐT, Phòng GDĐT, các cơ sở giáo dục được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu theo phạm vi quản lý trong Hệ thống CSDL ngành; thực hiện tiếp nhận và xử lý những góp ý, khiếu nại đối với dữ liệu trong phạm vi quản lý.

6. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quy chế này nếu có nhu cầu sử dụng thông tin từ CSDL ngành có thể đề nghị đơn vị quản lý theo phân cấp cung cấp sử dụng theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Sao lưu, bảo quản thông tin

1. Các thông tin, dữ liệu lưu giữ trong CSDL ngành phải được sao chép vào ổ cứng, thiết bị lưu trữ theo định kỳ (thời gian tối thiểu 6 tháng/1 lần).

2. Báo cáo thống kê định kỳ và các báo cáo khác đã được trích xuất từ Hệ thống CSDL ngành, đều phải được lưu trữ đầy đủ, khoa học, sắp xếp theo kỳ báo cáo, năm học.

Chương III

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 10. Khen thưởng

Giám đốc Sở GDĐT xem xét, khen thưởng đối với tổ chức, đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Quy chế này.

Điều 11. Kỷ luật

Các tổ chức, đơn vị, cá nhân vi phạm các quy định của Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo các quy định của pháp luật.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Trách nhiệm của Sở GDĐT, Phòng GDĐT

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát các đơn vị thuộc và trực thuộc tổ chức triển khai Hệ thống CSDL ngành theo quy định tại Quy chế này.

2. Chỉ đạo, phân công bộ phận phụ trách công nghệ thông tin làm đầu mối kỹ thuật quản trị Hệ thống CSDL ngành; hướng dẫn sử dụng, hỗ trợ sử dụng, quản lý và cấp tài khoản sử dụng cho các đơn vị trong phạm vi quản lý.

3. Chỉ đạo, phân công các phòng/bộ phận chuyên môn phụ trách quản lý, kiểm duyệt và khai thác sử dụng dữ liệu theo quy định.

4. Báo cáo tình hình quản lý, vận hành, sử dụng Hệ thống CSDL ngành khi có yêu cầu.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục

1. Tổ chức nhập dữ liệu và báo cáo của đơn vị trên Hệ thống CSDL ngành đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời, an toàn theo các quy định tại Quy chế này.

2. Báo cáo tình hình triển khai hệ thống Hệ thống CSDL ngành khi có yêu cầu.

Điều 14. Trách nhiệm của cá nhân

1. Chịu trách nhiệm trước thủ trưởng đơn vị về việc quản lý và khai thác sử dụng dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành khi được phân công.

2. Sử dụng tài khoản để khai thác sử dụng Hệ thống CSDL ngành theo đúng mục đích và nhiệm vụ được phân công; không chia sẻ thông tin về tài khoản, mật khẩu cho cá nhân, tổ chức khác khi chưa được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị; thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu trên Hệ thống CSDL ngành.

3. Kịp thời thông báo cho Sở GDĐT các lỗi phát sinh trong quá trình khai thác sử dụng Hệ thống CSDL ngành.

4. Trước khi chuyển công tác hoặc nghỉ chế độ, phải thực hiện bàn giao tài khoản sử dụng trên Hệ thống CSDL ngành cho thủ trưởng đơn vị.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng, Chánh thanh tra Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị gửi ý kiến về Sở GDĐT (Phòng Kế hoạch – Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Giám đốc Sở GDĐT xem xét, quyết định./.

PHÒNG GDĐT CẨM GIÀNG

Số: 01 /SY-PGDĐT

Nơi nhận:

- Các trường MN, TH, THCS;
- Lãnh đạo, CV phòng GDĐT;
- Website Phòng GDĐT;
- Lưu: VT, TH.

SAO Y

Cẩm Giàng, ngày 01 tháng 3 năm 2024

Yêu cầu Hiệu trưởng các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở nghiên cứu triển khai nghiêm túc theo nội dung Công văn. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc báo cáo về Phòng GDĐT (qua bộ phận chuyên môn cấp học) để phối hợp giải quyết./.

TRƯỞNG PHÒNG

Phạm Thị Oanh